

CÁC YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN PHÁT TRIỂN CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC NHÀ TRƯỜNG THEO TIẾP CẬN DỰ ÁN CHO TRẺ MẪU GIÁO: NGHIÊN CỨU TẠI MỘT SỐ TỈNH/THÀNH PHÍA BẮC

FACTORS AFFECTING THE DEVELOPMENT OF SCHOOL EDUCATION PROGRAMS USING A PROJECT-BASED APPROACH FOR PRESCHOOL CHILDREN: A STUDY IN SEVERAL NORTHERN LOCALITIES IN VIETNAM

Nguyễn Thị Thành¹⁺,
Lê Thị Thu¹,
Vũ Kiều Anh²

¹Trường Cao đẳng Sư phạm Trung ương;

²Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2

+ Tác giả liên hệ • Email: hathanh1073@gmail.com

Article history

Received: 24/4/2026

Accepted: 31/5/2026

Published: 20/7/2026

Keywords

Influential factors,
development of educational
programs, projects, preschool
children

ABSTRACT

Currently, there has been an increasing need for innovation of early childhood education in Vietnam toward sustained quality improvement. Therefore, researching the factors influencing the development of school curricula is particularly necessary to improve the quality of program organization and implementation, meeting the requirements of educational reform. This study uses a questionnaire survey design with 312 administrators and preschool teachers in several localities, including Hanoi, Phu Tho, and Thai Nguyen, to examine the current state of these factors using a project-based approach for preschool children. The research results emphasize that factors related to preschool administrators and teachers, preschool children, families and communities, as well as physical facilities and the educational environment, all have a significant influence on the development of school education programs using a project-based approach. In particular, the factors related to preschool administrators and teachers are rated highest, especially their awareness, professional competence, and readiness for innovation. However, the study also highlights that building an open, flexible educational environment and enhancing the involvement of families and communities still encounter multiple difficulties in practice, requiring continued attention and search for effective solutions in the process of reforming preschool education.

1. Mở đầu

Đổi mới giáo dục mầm non (GDMN) hiện nay đang đặt ra yêu cầu thay đổi ở nhiều phương diện, từ đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ đến đổi mới nội dung chương trình giáo dục (CTGD) nhà trường theo hướng mở, linh hoạt và tăng cường trải nghiệm cho trẻ mẫu giáo (Bộ GD-ĐT, 2021). Trong bối cảnh đó, tiếp cận dạy học dự án được xem là một hướng đi phù hợp, tạo cơ hội cho trẻ được khám phá, trải nghiệm, hợp tác và phát triển năng lực thông qua các hoạt động gắn với thực tiễn cuộc sống (Katz và Chard, 2000). Theo quan sát thực tiễn, nhiều cơ sở GDMN đã bước đầu quan tâm đến việc phát triển CTGD nhà trường theo tiếp cận dự án nhằm đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục hiện nay; tuy nhiên, việc triển khai tại các cơ sở GDMN vẫn còn không ít lúng túng: GV mới dừng lại ở tổ chức các hoạt động trải nghiệm đơn lẻ; đã xây dựng được các dự án học tập nhưng thiếu sự liên kết với mục tiêu, nội dung chương trình hoặc chưa tạo được môi trường giáo dục phù hợp để trẻ tham gia thực sự tích cực. Các nghiên cứu trước đây về phát triển CTGD nhà trường theo tiếp cận dự án trong GDMN có thể được chia thành một số hướng chính: (1) Tập trung làm rõ vai trò của học tập dựa trên dự án đối với sự phát triển năng lực, khả năng hợp tác, giao tiếp và trải nghiệm của trẻ mẫu giáo (Katz và Chard, 2000; Helm và Katz, 2016; Thomas, 2000); (2) Nhấn mạnh việc phát triển CTGD nhà trường theo hướng lấy trẻ làm trung tâm, tăng cường tính mở, linh hoạt và sự tham gia của gia đình, cộng đồng trong quá trình giáo dục trẻ (Bronfenbrenner, 1979; Rinaldi, 2006; Edwards và cộng sự, 2012; Bộ GD-ĐT, 2021). Gần đây, một số nghiên cứu bắt đầu quan tâm đến các điều kiện triển khai như năng lực của GV, vai trò CBQL hoặc yếu tố môi trường giáo dục và cơ sở vật chất trong tổ chức học tập dựa trên dự án (OECD, 2017).

Dù vậy, nghiên cứu về các yếu tố ảnh hưởng đến phát triển CTGD theo tiếp cận dự án tại các cơ sở GDMN ở Việt Nam vẫn còn hạn chế, đặc biệt là thiếu những minh chứng thực tiễn về mức độ ảnh hưởng của từng nhóm yếu tố trong quá trình triển khai phát triển chương trình. Vì vậy, nghiên cứu này tập trung khảo sát thực trạng các yếu tố

ảnh hưởng đến phát triển CTGD nhà trường theo tiếp cận dự án cho trẻ mẫu giáo tại một số cơ sở GDMN thông qua các nhóm yếu tố thuộc về CBQL, giáo viên mầm non (GVMN), trẻ mẫu giáo, gia đình, cộng đồng và điều kiện cơ sở vật chất. Kết quả nghiên cứu góp phần làm rõ những thuận lợi, khó khăn và rào cản trong quá trình phát triển CTGD nhà trường theo tiếp cận dự án cho trẻ mẫu giáo, từ đó cung cấp thêm cơ sở thực tiễn cho việc nâng cao hiệu quả triển khai chương trình trong bối cảnh đổi mới GDMN hiện nay. Nghiên cứu tập trung trả lời các câu hỏi: (1) Các nhóm yếu tố ảnh hưởng đến phát triển CTGD nhà trường theo tiếp cận dự án được CBQL và GVMN đánh giá ở mức nào?; (2) Có sự khác biệt trong đánh giá giữa hai nhóm khách thể hay không?

2. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu sử dụng phương pháp điều tra bằng bảng hỏi đối với 312 khách thể ở 20 cơ sở GDMN, bao gồm 122 CBQL (Ban Giám hiệu và tổ/khối trưởng) và 190 GVMN tại 3 tỉnh/thành là TP. Hà Nội, Phú Thọ và Thái Nguyên. Thời gian khảo sát tại TP. Thái Nguyên tháng 5/2025, Hà Nội tháng 10/2025 và Phú Thọ tháng 02/2026. Phiếu hỏi được phát trực tiếp tới khách thể khảo sát. Sử dụng thang đo Likert 5 mức độ nhằm khảo sát mức độ ảnh hưởng của các yếu tố đến phát triển CTGD nhà trường theo tiếp cận học tập dựa trên dự án cho trẻ mẫu giáo. Các mức độ ảnh hưởng được quy ước như sau: 1 = Không ảnh hưởng; 2 = Ít ảnh hưởng; 3 = Ảnh hưởng trung bình; 4 = Ảnh hưởng nhiều; 5 = Ảnh hưởng rất nhiều. Mức đánh giá theo khoảng điểm gồm: 1,00 -1,80: Không ảnh hưởng; 1,81-2,60: Ít ảnh hưởng; 2,61-3,40: Ảnh hưởng trung bình; 3,41-4,20: Ảnh hưởng nhiều; 4,21-5,00: Ảnh hưởng rất nhiều.

Phiếu khảo sát được xây dựng trên cơ sở lý luận về phát triển CTGD nhà trường theo tiếp cận dự án trong GDMN, tập trung vào các nhóm yếu tố ảnh hưởng đến phát triển CTGD nhà trường theo tiếp cận dự án, gồm: CBQL, GVMN, trẻ mẫu giáo, gia đình, cộng đồng và điều kiện cơ sở vật chất; CTGD mầm non hiện hành, định hướng đổi mới GDMN (Bộ GD-ĐT, 2021) và tiếp cận các nghiên cứu về vai trò của các yếu tố như quản lý nhà trường, GV (OECD, 2017; Öqvist và cộng sự, 2024); ảnh hưởng của gia đình và cộng đồng (Bronfenbrenner, 1979; Edwards và cộng sự, 2012); những yếu tố thuộc về trẻ (NAEYC, 2020; Helm và Katz, 2016); yếu tố thuộc về cơ sở vật chất và điều kiện thực hiện (OECD, 2017; Ministry of Education, 2017; Sullivan và Bers, 2018). Dữ liệu khảo sát được xử lý bằng phần mềm SPSS, thông qua các tham số thống kê mô tả như điểm trung bình (ĐTB), độ lệch chuẩn (ĐLC) và so sánh kết quả đánh giá giữa các nhóm khách thể bằng kiểm định Independent Samples T-test với mức ý nghĩa $p < 0,05$.

3. Kết quả nghiên cứu

3.1. Một số vấn đề lý luận

3.1.1. Một số khái niệm

Phát triển CTGD nhà trường được hiểu là quá trình điều chỉnh, bổ sung, cập nhật và hoàn thiện CTGD nhằm bảo đảm sự phù hợp với mục tiêu giáo dục, nhu cầu của người học, điều kiện thực tiễn của nhà trường và bối cảnh phát triển của xã hội (Skilbeck, 1984; Ornstein và Hunkins, 2004). Dạy học dự án là hình thức tổ chức hoạt động học tập, trong đó người học tham gia giải quyết các nhiệm vụ gắn với thực tiễn thông qua quá trình khám phá, hợp tác và tạo ra sản phẩm cụ thể (Thomas, 2000; Trịnh Văn Biều và cộng sự, 2011)). Trong GDMN, tiếp cận học tập dựa trên dự án nhấn mạnh việc tổ chức cho trẻ tham gia vào các hoạt động khám phá, trải nghiệm và giải quyết vấn đề gắn với thực tiễn thông qua các chủ đề hoặc dự án học tập có ý nghĩa đối với trẻ. Theo đó, phát triển CTGD nhà trường theo tiếp cận dự án không chỉ là sự điều chỉnh nội dung giáo dục mà còn là quá trình thiết kế và tổ chức chương trình theo hướng mở, linh hoạt, lấy trẻ làm trung tâm; tạo cơ hội cho trẻ được trải nghiệm, hợp tác, giao tiếp và thể hiện ý tưởng trong các hoạt động mang tính tích hợp.

Từ các khái niệm trên, trong nghiên cứu này, phát triển CTGD nhà trường theo tiếp cận học tập dựa trên dự án cho trẻ mẫu giáo được hiểu là quá trình xây dựng, điều chỉnh và hoàn thiện CTGD tại cơ sở GDMN theo hướng mở, linh hoạt và phù hợp với đặc điểm phát triển của trẻ mẫu giáo thông qua việc tổ chức các dự án học tập gắn với thực tiễn. Quá trình này bao gồm xác định mục tiêu, lựa chọn chủ đề, xây dựng môi trường giáo dục, tổ chức hoạt động giáo dục, đánh giá và điều chỉnh chương trình nhằm tăng cường sự tham gia, trải nghiệm của trẻ; đồng thời có sự tham gia của CBQL, GVMN, gia đình và cộng đồng để bảo đảm CTGD nhà trường phù hợp với điều kiện thực tiễn.

3.1.2. Các yếu tố ảnh hưởng phát triển chương trình giáo dục nhà trường theo tiếp cận học tập dự án

3.1.2.1. Nhóm yếu tố thuộc về cán bộ quản lý và giáo viên mầm non

Trong những năm gần đây, các nghiên cứu về đổi mới CTGD ngày càng nhấn mạnh vai trò lãnh đạo chuyên môn của CBQL thay vì chỉ dừng ở quản lý hành chính. Trong phát triển CTGD nhà trường theo tiếp cận dự án cho trẻ mẫu giáo, CBQL và GVMN giữ vai trò quan trọng trong việc định hướng, tổ chức và triển khai chương trình tại cơ sở GDMN. Nhiều nghiên cứu cho thấy năng lực lãnh đạo chuyên môn của CBQL có ảnh hưởng trực tiếp đến quá trình phát triển CTGD theo tiếp cận dự án. Vai trò này thể hiện ở khả năng định hướng phát triển chương trình, hỗ trợ GV

đổi mới hoạt động giáo dục, huy động nguồn lực và xây dựng môi trường giáo dục tích cực cho trẻ (Skilbeck, 1984). Một số nghiên cứu tại các cơ sở GDMN Thụy Điển cũng cho thấy hiệu quả triển khai chương trình phụ thuộc nhiều vào khả năng hỗ trợ chuyên môn và thúc đẩy đổi mới của hiệu trưởng hơn là quản lý hành chính đơn thuần (Öqvist và cộng sự, 2024). Theo Hiệp hội Hiệu trưởng Tiểu học Quốc gia Hoa Kỳ (NAESP, 2025), học tập dựa trên dự án trong giáo dục sớm chỉ thực sự hiệu quả khi CBQL tạo được môi trường hỗ trợ GV đổi mới phương pháp, khuyến khích hợp tác chuyên môn và xây dựng văn hóa học tập tích cực trong nhà trường. Điều đó cho thấy nhận thức, năng lực lãnh đạo chuyên môn và khả năng hỗ trợ đổi mới của CBQL là những yếu tố có ảnh hưởng quan trọng đến phát triển CTGD nhà trường theo tiếp cận dự án.

Bên cạnh CBQL, năng lực chuyên môn và khả năng tổ chức hoạt động của GVMN cũng ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu quả phát triển CTGD nhà trường theo tiếp cận dự án. Một số nghiên cứu cho thấy GVMN có nhu cầu được bồi dưỡng năng lực tổ chức học tập dựa trên dự án nhằm nâng cao khả năng thiết kế hoạt động, xây dựng môi trường học tập lấy trẻ làm trung tâm và tích hợp hoạt động dự án vào chương trình giáo dục (Loudová Stralczyńska, 2022; Helm và Katz (2016). Tuy nhiên, nhiều GV vẫn gặp khó khăn trong việc tích hợp nội dung dự án vào chương trình, thiếu thời gian chuẩn bị và chưa thật sự tự tin khi triển khai trong thực tiễn lớp học. Loudová Stralczyńska (2022) cho rằng trong hoạt động dự án, GV không còn chỉ giữ vai trò truyền đạt kiến thức mà trở thành người tổ chức, hỗ trợ và tạo cơ hội để trẻ khám phá, trải nghiệm và hợp tác trong quá trình học tập. Edwards và cộng sự (2012), Helm và Katz (2016) cho rằng, GV cần thường xuyên quan sát, phản hồi và điều chỉnh hoạt động phù hợp với nhu cầu, khả năng và hứng thú của trẻ; đồng thời có năng lực xây dựng môi trường học tập mở, hỗ trợ trẻ trao đổi và hợp tác trong quá trình thực hiện dự án.

3.1.2.2. Nhóm yếu tố thuộc về gia đình và cộng đồng

Gia đình và cộng đồng là những lực lượng có ảnh hưởng quan trọng đến quá trình phát triển CTGD nhà trường. Theo Bronfenbrenner (1979), sự phát triển của trẻ chịu tác động từ nhiều hệ thống môi trường khác nhau như gia đình, nhà trường và cộng đồng. Trong GDMN, các hoạt động học tập dựa trên dự án thường gắn với thực tiễn cuộc sống, môi trường xã hội và những trải nghiệm hằng ngày của trẻ. Vì vậy, sự phối hợp giữa gia đình, nhà trường và cộng đồng có ý nghĩa quan trọng trong việc tạo điều kiện để trẻ mở rộng trải nghiệm, tăng cường giao tiếp, hợp tác và tham gia vào các hoạt động khám phá phù hợp với bối cảnh thực tiễn. Theo NAEYC (2020), sự tham gia của phụ huynh và cộng đồng là yếu tố quan trọng ảnh hưởng tích cực đến chất lượng thực hiện CTGD trong cơ sở GDMN. Sự phối hợp giữa gia đình và nhà trường không chỉ hỗ trợ quá trình học tập của trẻ mà còn góp phần nâng cao hiệu quả tổ chức các hoạt động giáo dục và tạo sự thống nhất trong định hướng phát triển trẻ.

Đối với học tập dựa trên dự án thì gia đình và cộng đồng còn là nguồn hỗ trợ về môi trường trải nghiệm, học liệu và các tình huống thực tiễn giúp trẻ tham gia vào các hoạt động học tập có ý nghĩa. Các nghiên cứu về giáo dục Reggio Emilia (Edwards và cộng sự, 2012; Rinaldi, 2006) cũng nhấn mạnh vai trò của gia đình như một “đối tác” cùng tham gia vào quá trình giáo dục trẻ thông qua việc chia sẻ thông tin, hỗ trợ trải nghiệm và phối hợp với GV trong tổ chức các hoạt động học tập. Sự phối hợp này góp phần tạo nên mối liên kết giữa trải nghiệm ở nhà trường với môi trường sống hằng ngày của trẻ, đồng thời hỗ trợ GV mở rộng nội dung dự án và tổ chức môi trường giáo dục phù hợp với đặc điểm phát triển của trẻ mẫu giáo.

3.1.2.3. Yếu tố thuộc về trẻ mầm non

Trong phát triển CTGD nhà trường theo tiếp cận học tập dựa trên dự án, trẻ mẫu giáo không chỉ là đối tượng tiếp nhận mà còn là chủ thể trực tiếp tham gia vào quá trình học tập và trải nghiệm. Theo NAEYC (2020), sự hứng thú, nhu cầu, khả năng tham gia và đặc điểm phát triển của trẻ có ảnh hưởng quan trọng đến hiệu quả triển khai CTGD trong thực tiễn. Các nghiên cứu về giáo dục lấy trẻ làm trung tâm cũng cho thấy trẻ có xu hướng tham gia tích cực hơn khi được trải nghiệm, khám phá và tương tác với môi trường xung quanh thông qua các hoạt động gần gũi với cuộc sống. Trong tiếp cận Reggio Emilia, trẻ được nhìn nhận là những cá thể có năng lực, có khả năng suy nghĩ, giao tiếp và kiến tạo tri thức thông qua trải nghiệm và các mối quan hệ xã hội. Edwards và cộng sự (2012) cho rằng các dự án học tập trong GDMN cần xuất phát từ sự tò mò, hứng thú và những câu hỏi do chính trẻ khởi xướng. Rinaldi (2006) cũng nhấn mạnh vai trò của việc lắng nghe trẻ, tạo cơ hội để trẻ trao đổi, thể hiện ý tưởng và tham gia vào quá trình khám phá mang tính trải nghiệm. Điều đó cho thấy mức độ tham gia, khả năng trải nghiệm và hứng thú học tập của trẻ có ảnh hưởng trực tiếp đến quá trình tổ chức hoạt động dự án trong nhà trường.

Nhiều nghiên cứu về học tập dựa trên dự án và giáo dục STEAM cho trẻ nhỏ cho thấy việc tạo cơ hội để trẻ trực tiếp trải nghiệm, thử nghiệm và hợp tác trong các hoạt động học tập tích hợp góp phần hỗ trợ phát triển tư duy sáng tạo, khả năng giải quyết vấn đề và giao tiếp xã hội của trẻ (Katz và Chard, 2000; Helm và Katz, 2016). Trẻ cũng

thường duy trì hứng thú học tập tốt hơn khi được tham gia vào các hoạt động khám phá tích hợp giữa khoa học, công nghệ, nghệ thuật và trải nghiệm thực tiễn (Helm và Katz (2016)). Helm và Katz (2016), Edwards và cộng sự (2012) cho rằng trẻ học hiệu quả hơn trong môi trường giáo dục mở, có cơ hội thao tác với vật liệu, thử nghiệm ý tưởng và tham gia các hoạt động mang tính trải nghiệm. Từ đó có thể thấy đặc điểm phát triển, hứng thú, khả năng tham gia và trải nghiệm của trẻ mẫu giáo là những yếu tố có ảnh hưởng quan trọng đến quá trình phát triển và triển khai CTGD nhà trường theo tiếp cận dự án trong GDMN.

3.1.2.4. Nhóm yếu tố thuộc về cơ sở vật chất và điều kiện thực hiện

Cơ sở vật chất, môi trường giáo dục và các điều kiện tổ chức thực hiện có ảnh hưởng trực tiếp đến quá trình phát triển và triển khai CTGD nhà trường theo tiếp cận dự án cho trẻ mẫu giáo. Trong GDMN, học tập dựa trên dự án không chỉ đòi hỏi sự thay đổi về phương pháp tổ chức hoạt động mà còn cần một môi trường giáo dục mở, linh hoạt và tạo cơ hội để trẻ được trải nghiệm, khám phá và hợp tác trong quá trình học tập. Trong tiếp cận Reggio Emilia, môi trường được xem như “người thầy thứ ba”, có vai trò hỗ trợ và thúc đẩy quá trình học tập của trẻ thông qua không gian mở, học liệu đa dạng, vật liệu mở và các điều kiện giúp trẻ quan sát, trao đổi, thử nghiệm và thể hiện ý tưởng (Edwards và cộng sự, 2012). Đồng thời, cách sắp xếp không gian, môi trường và các mối quan hệ trong lớp học có ảnh hưởng trực tiếp đến khả năng khám phá, giao tiếp và kiến tạo ý nghĩa của trẻ trong quá trình học tập. Vì vậy, môi trường giáo dục và cơ sở vật chất không chỉ là điều kiện hỗ trợ mà còn tác động trực tiếp đến mức độ tham gia và trải nghiệm của trẻ trong các hoạt động dự án.

Tổ chức OECD (2017) khẳng định chất lượng môi trường học tập, học liệu, không gian giáo dục và điều kiện tổ chức hoạt động là những yếu tố quan trọng ảnh hưởng đến chất lượng chăm sóc, giáo dục trẻ nhỏ. Trên thực tế, học tập dựa trên dự án đòi hỏi trẻ được tham gia vào các hoạt động khám phá, trải nghiệm và hợp tác thông qua việc thao tác với vật liệu, quan sát môi trường thực tiễn và tham gia các hoạt động học tập mang tính tích hợp. Chính vì thế, nếu môi trường giáo dục thiếu tính mở, không gian trải nghiệm hạn chế hoặc học liệu nghèo nàn thì việc triển khai các hoạt động dự án sẽ gặp nhiều khó khăn.

Trong chương trình Te Whāriki của New Zealand, môi trường học tập cũng được xem là một thành tố quan trọng giúp trẻ phát triển thông qua trải nghiệm, vui chơi và khám phá trong các bối cảnh thực tiễn (Ministry of Education, 2017). Chương trình nhấn mạnh sự kết nối giữa môi trường học tập với thiên nhiên, cộng đồng và văn hóa địa phương nhằm tạo cơ hội để trẻ tham gia vào các hoạt động trải nghiệm có ý nghĩa. Một số nghiên cứu về giáo dục STEAM cho trẻ nhỏ cũng cho thấy trẻ có xu hướng tham gia tích cực hơn trong môi trường học tập linh hoạt, có cơ hội khám phá, thử nghiệm và tương tác với các vật liệu học tập mở (Sullivan và Bers, 2018). Tuy nhiên, trong thực tiễn GDMN hiện nay, nếu GV thiếu thời gian chuẩn bị, lớp học quá đông hoặc nhà trường chưa tạo được môi trường giáo dục phù hợp thì các hoạt động học tập dựa trên dự án rất dễ bị thu hẹp thành những hoạt động trải nghiệm đơn lẻ, thiếu tính liên kết và khó phát huy được vai trò chủ thể của trẻ trong quá trình học tập. Từ đó có thể thấy cơ sở vật chất, môi trường giáo dục và các điều kiện tổ chức thực hiện là những yếu tố có ảnh hưởng quan trọng đến quá trình phát triển và triển khai CTGD nhà trường theo tiếp cận dự án trong GDMN.

3.2. Thực trạng yếu tố ảnh hưởng đến phát triển chương trình giáo dục nhà trường theo tiếp cận dự án cho trẻ mẫu giáo

3.2.1. Thực trạng yếu tố thuộc về cán bộ quản lý và giáo viên tại cơ sở giáo dục mầm non

Bảng 1. Kết quả tổng hợp về thực trạng các yếu tố thuộc về CBQL và GV tại cơ sở GDMN

TT	Nội dung khảo sát	CBQL		GVMN		Tổng		Thứ bậc	Sig.
		ĐTB	ĐLC	ĐTB	ĐLC	ĐTB	ĐLC		
1	Nhận thức, năng lực chuyên môn và mức độ sẵn sàng đổi mới của CBQL và GVMN.	4.67	0.66	4.73	0.53	4.70	0.59	1	0.186
2	CBQL giữ vai trò định hướng và chỉ đạo phát triển chương trình giáo dục nhà trường theo tiếp cận dự án tại cơ sở GDMN.	4.56	0.71	4.60	0.71	4.58	0.71	4	0.483
3	CBQL góp phần xây dựng môi trường làm việc tích cực, khuyến khích hợp tác chuyên môn và thúc đẩy đổi mới trong nhà trường.	4.46	0.84	4.61	0.79	4.54	0.82	5	0.015
4	CBQL và GVMN có kỹ năng phát triển chương trình, dự án và thiết kế hoạt động.	4.60	0.58	4.64	0.56	4.62	0.57	2	0.373
5	GVMN có kỹ năng xây dựng môi trường học tập linh hoạt, thu hút sự tò mò của trẻ và tổ chức các hoạt động trải nghiệm đa dạng cho trẻ mẫu giáo.	4.27	0.97	4.48	0.85	4.38	0.91	6	0.002

6	GVMN cần thường xuyên quan sát, phản hồi và điều chỉnh hoạt động phù hợp với nhu cầu, hứng thú và khả năng tham gia của trẻ mẫu giáo.	4.56	0.63	4.63	0.56	4.60	0.60	3	0.094
7	Khả năng tổ chức và phối hợp với các lực lượng tham gia hỗ trợ, bao gồm cộng đồng, chuyên gia và CBQL tại cơ sở GDMN.	4.34	0.89	4.39	0.84	4.37	0.87	7	0.411

Số liệu ở bảng 1 cho thấy các yếu tố thuộc về CBQL và GVMN đều được đánh giá có mức ảnh hưởng rất cao đối với quá trình phát triển CTGD nhà trường theo tiếp cận dự án, với ĐTB dao động từ 4.37 đến 4.70. Kết quả này phản ánh, đội ngũ CBQL và GVMN luôn giữ vai trò quan trọng trong quá trình phát triển và triển khai chương trình tại các cơ sở GDMN. Đáng chú ý, nội dung “Nhận thức, năng lực chuyên môn và mức độ sẵn sàng đổi mới của CBQL và GVMN” đạt ĐTB cao nhất (4.70), cho thấy việc phát triển CTGD theo tiếp cận dự án không chỉ phụ thuộc vào yêu cầu đổi mới chương trình mà còn gắn chặt với năng lực chuyên môn, khả năng thích ứng và tinh thần sẵn sàng đổi mới của đội ngũ trong nhà trường. Bên cạnh đó, nội dung về kỹ năng phát triển chương trình, dự án và thiết kế hoạt động cũng được đánh giá ở mức rất cao (ĐTB = 4.62), cho thấy CBQL và GVMN ngày càng quan tâm nhiều hơn đến việc tổ chức các hoạt động giáo dục linh hoạt, phù hợp với nhu cầu và hứng thú của trẻ mẫu giáo.

Trong khi đó, nội dung liên quan đến khả năng tổ chức và phối hợp với các lực lượng hỗ trợ bên ngoài nhà trường có mức đánh giá thấp hơn các nội dung còn lại (ĐTB = 4.37). Mặc dù mức điểm này vẫn ở mức cao, nhưng kết quả phần nào phản ánh việc huy động sự tham gia của phụ huynh, cộng đồng hoặc các lực lượng hỗ trợ chuyên môn cho hoạt động dự án tại cơ sở GDMN trong thực tế chưa thật sự đồng đều. Ở một số cơ sở GDMN, các hoạt động dự án vẫn chủ yếu do GV và nhà trường tổ chức, trong khi sự phối hợp từ gia đình và cộng đồng còn phụ thuộc vào điều kiện cụ thể của từng địa phương và khả năng kết nối của nhà trường.

Kết quả kiểm định Independent Samples T-test cho thấy chỉ có hai nội dung xuất hiện sự khác biệt có ý nghĩa thống kê giữa nhóm CBQL và GVMN, gồm: “CBQL góp phần xây dựng môi trường làm việc tích cực, khuyến khích hợp tác chuyên môn và thúc đẩy đổi mới trong nhà trường” (Sig. = 0.015) và “GVMN có kỹ năng xây dựng môi trường học tập linh hoạt, thu hút sự tò mò của trẻ và tổ chức các hoạt động trải nghiệm đa dạng cho trẻ mẫu giáo” (Sig. = 0.002). Ở cả hai nội dung này, GVMN đều có mức đánh giá cao hơn CBQL. Điều này cho thấy GVMN có xu hướng quan tâm nhiều hơn đến môi trường làm việc, môi trường trải nghiệm và các điều kiện tổ chức hoạt động trực tiếp cho trẻ trong quá trình triển khai CTGD theo tiếp cận dự án. Tuy nhiên, ở các nội dung còn lại, sự khác biệt giữa hai nhóm chưa đạt mức ý nghĩa thống kê, cho thấy CBQL và GVMN nhìn chung có sự tương đồng khá rõ trong nhận thức về vai trò của đội ngũ đối với phát triển CTGD nhà trường theo tiếp cận dự án hiện nay.

3.2.2. Thực trạng yếu tố thuộc về trẻ mầm non

Bảng 2. Kết quả tổng hợp thực trạng các yếu tố ảnh hưởng thuộc về trẻ mẫu giáo trong cơ sở GDMN

TT	Nội dung khảo sát	CBQL		GVMN		Tổng		Thứ bậc	Sig.
		ĐTB	ĐLC	ĐTB	ĐLC	ĐTB	ĐLC		
1	Hứng thú, nhu cầu, khả năng tham gia của trẻ có ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu quả triển khai CTGD theo tiếp cận dự án.	4.60	0.58	4.64	0.56	4.62	0.57	1	0.373
2	Trẻ mẫu giáo vừa là đối tượng vừa là chủ thể tham gia trực tiếp vào quá trình học tập và trải nghiệm trong hoạt động dự án.	4.28	0.95	4.54	0.69	4.41	0.84	4	0.000
3	Trẻ có tư duy độc lập, có quyền tự do biểu đạt ý tưởng theo cách riêng	4.56	0.63	4.63	0.56	4.60	0.60	2	0.094
4	Trẻ có khả năng xây dựng các mối quan hệ với nhau và cùng tham gia thực hiện các hoạt động trong dự án.	4.25	0.93	4.49	0.66	4.38	0.81	5	0.000
5	Trẻ học hiệu quả hơn khi được tham gia vào các hoạt động khám phá, trải nghiệm, hợp tác và giải quyết vấn đề gắn với thực tiễn cuộc sống.	4.33	0.90	4.50	0.62	4.42	0.77	3	0.002

Trong tiếp cận dự án, trẻ mẫu giáo không chỉ tham gia vào hoạt động học tập mà còn từng bước trở thành chủ thể của quá trình khám phá và trải nghiệm. Kết quả khảo sát ở bảng 2 cho thấy các yếu tố thuộc về trẻ đều được đánh giá có mức ảnh hưởng rất cao đối với phát triển CTGD nhà trường theo tiếp cận dự án, với ĐTB dao động từ 4.38 đến 4.62. Đáng chú ý, nội dung “Hứng thú, nhu cầu, khả năng tham gia của trẻ có ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu quả triển khai CTGD theo tiếp cận dự án” được đánh giá cao nhất (ĐTB = 4.62). Điều này phản ánh việc phát triển CTGD theo tiếp cận dự án cần xuất phát từ nhu cầu, hứng thú và khả năng tham gia thực tế của trẻ thay vì chỉ tập trung vào nội dung hoạt động do GV thiết kế sẵn.

Bên cạnh đó, nội dung “Trẻ có tư duy độc lập, có quyền tự do biểu đạt ý tưởng theo cách riêng” cũng được đánh giá ở mức rất cao (ĐTB = 4.60). Kết quả này cho thấy trong GDMN hiện nay, việc tạo cơ hội để trẻ được thể hiện ý tưởng, trao đổi và tham gia vào quá trình trải nghiệm đang ngày càng được CBQL và GVMN quan tâm nhiều hơn. Trong khi đó, nội dung liên quan đến khả năng xây dựng mối quan hệ và cùng tham gia thực hiện hoạt động dự án của trẻ có mức đánh giá thấp hơn các nội dung còn lại (ĐTB = 4.38), phần nào cho thấy việc tổ chức các hoạt động hợp tác, trao đổi nhóm hoặc duy trì sự tham gia đồng đều của trẻ trong quá trình thực hiện dự án trên thực tế vẫn còn gặp những khó khăn nhất định, đặc biệt ở các lớp có sĩ số đông hoặc thời gian tổ chức hoạt động còn hạn chế.

Kết quả kiểm định Independent Samples T-test cho thấy có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê giữa CBQL và GVMN ở ba nội dung gồm: “Trẻ mẫu giáo vừa là đối tượng vừa là chủ thể tham gia trực tiếp vào quá trình học tập và trải nghiệm trong hoạt động dự án” (Sig. = 0.000), “Trẻ có khả năng xây dựng các mối quan hệ với nhau và cùng tham gia thực hiện các hoạt động trong dự án” (Sig. = 0.000) và “Trẻ học hiệu quả hơn khi được tham gia vào các hoạt động khám phá, trải nghiệm, hợp tác và giải quyết vấn đề gắn với thực tiễn cuộc sống” (Sig. = 0.002). Điều này thể hiện khá rõ vai trò chủ thể, khả năng hợp tác và trải nghiệm thực tiễn của trẻ có ảnh hưởng quan trọng đến hiệu quả của chương trình. Trên thực tế GVMN là người trực tiếp tham gia hầu hết các khâu trong quá trình phát triển chương trình nên họ có xu hướng cảm nhận rõ hơn mức độ ảnh hưởng của trẻ trong quá trình thực hiện dự án.

3.2.3. Thực trạng yếu tố thuộc về gia đình và cộng đồng

Bảng 3. Kết quả tổng hợp thực trạng các yếu tố thuộc về gia đình và cộng đồng

TT	Nội dung khảo sát	CBQL		GVMN		Tổng		Thứ bậc	Sig.
		ĐTB	ĐLC	ĐTB	ĐLC	ĐTB	ĐLC		
1	Sự am hiểu, hỗ trợ của phụ huynh và cộng đồng về hoạt động dự án cho trẻ mẫu giáo.	4.33	0.90	4.50	0.62	4.42	0.77	3	0.002
2	Gia đình và cộng đồng góp phần tạo môi trường trải nghiệm, cung cấp học liệu và hỗ trợ trẻ tham gia vào các hoạt động học tập gắn với thực tiễn cuộc sống.	4.56	0.63	4.63	0.56	4.60	0.60	1	0.094
3	Sự tham gia của phụ huynh và cộng đồng giúp tăng cường tính mở, tính linh hoạt và hiệu quả tổ chức các hoạt động học tập dựa trên dự án trong GDMN.	4.36	0.90	4.56	0.83	4.46	0.87	2	0.002

Kết quả khảo sát ở bảng 3 cho thấy các yếu tố thuộc về gia đình và cộng đồng đều được đánh giá có mức ảnh hưởng cao đối với quá trình phát triển CTGD nhà trường theo tiếp cận dự án, với ĐTB dao động từ 4.42 đến 4.60. So với các nhóm yếu tố khác, nhóm nội dung này gần nhiều hơn với khả năng phối hợp và mở rộng môi trường trải nghiệm cho trẻ ngoài phạm vi lớp học. Điều đó cho thấy, sự tham gia của gia đình và cộng đồng không chỉ mang ý nghĩa hỗ trợ mà còn góp phần tạo thêm các điều kiện để trẻ được trải nghiệm trong những bối cảnh gần gũi với thực tiễn cuộc sống. Nội dung “Gia đình và cộng đồng góp phần tạo môi trường trải nghiệm, cung cấp học liệu và hỗ trợ trẻ tham gia vào các hoạt động học tập gắn với thực tiễn cuộc sống” được đánh giá cao nhất (ĐTB = 4.60), phản ánh việc tổ chức hoạt động dự án trong GDMN hiện nay ngày càng cần sự kết nối giữa nhà trường với gia đình và cộng đồng để mở rộng không gian học tập, học liệu và cơ hội trải nghiệm cho trẻ. Trong khi đó, nội dung “Sự am hiểu, hỗ trợ của phụ huynh và cộng đồng về hoạt động dự án cho trẻ mẫu giáo” có mức đánh giá thấp hơn các nội dung còn lại (ĐTB = 4.42). Mặc dù điểm vẫn ở mức cao, nhưng kết quả này cũng cho thấy nhận thức và mức độ đồng hành của phụ huynh, cộng đồng đối với hoạt động dự án giữa các cơ sở GDMN trên thực tế còn chưa thật sự đồng đều.

Kết quả kiểm định Independent Samples T-test cho thấy chỉ có hai nội dung xuất hiện sự khác biệt có ý nghĩa thống kê giữa CBQL và GVMN, gồm: “Sự am hiểu, hỗ trợ của phụ huynh và cộng đồng về hoạt động dự án cho trẻ mẫu giáo” (Sig. = 0.002) và “Sự tham gia của phụ huynh và cộng đồng giúp tăng cường tính mở, tính linh hoạt và hiệu quả tổ chức các hoạt động học tập dựa trên dự án trong GDMN” (Sig. = 0.002). Ở cả hai nội dung này, GVMN đều có mức đánh giá cao hơn CBQL. Điều này cho thấy GVMN có xu hướng đánh giá cao vai trò hỗ trợ của phụ huynh và cộng đồng trong quá trình tổ chức hoạt động dự án của trẻ mẫu giáo.

3.2.4. Yếu tố thuộc về cơ vật chất, môi trường và điều kiện thực hiện tại cơ sở giáo dục mầm non

Bảng 4. Kết quả tổng hợp thực trạng các yếu tố thuộc về cơ sở vật chất, môi trường và điều kiện thực hiện

TT	Nội dung khảo sát	CBQL		GVMN		Tổng		Thứ bậc	Sig.
		ĐTB	ĐLC	ĐTB	ĐLC	ĐTB	ĐLC		
1	Điều kiện phòng học, khu vui chơi, sân vườn trải nghiệm có ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng phát triển CTGD theo tiếp cận dự án cho trẻ mẫu giáo.	4.48	0.83	4.69	0.59	4.59	0.73	1	0.000

2	Điều kiện trang bị máy móc, thiết bị, đồ dùng, đồ chơi phục vụ cho hoạt động dự án của trẻ mẫu giáo.	4.47	0.77	4.57	0.61	4.52	0.69	2	0.066
3	Môi trường tình thần tích cực với sự tin tưởng, tôn trọng của GV dành cho trẻ mẫu giáo.	4.55	0.68	4.49	0.64	4.52	0.66	3	0.258
4	Môi trường giáo dục mở, linh hoạt, tạo điều kiện để trẻ khám phá, hợp tác, trải nghiệm và tham gia tích cực vào hoạt động dự án.	4.17	1.03	4.24	0.87	4.21	0.95	4	0.274

Bảng 4 cho thấy các yếu tố thuộc về cơ sở vật chất, môi trường và điều kiện thực hiện tại cơ sở GDMN được đánh giá cao với ĐTB từ 4.21 đến 4.59. Kết quả cho thấy điều kiện cơ sở vật chất và môi trường giáo dục có vai trò quan trọng trong quá trình tổ chức các hoạt động dự án cho trẻ mẫu giáo. ĐTB cao nhất đạt 4.59 thuộc về nội dung “Điều kiện phòng học, khu vui chơi, sân vườn trải nghiệm có ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng phát triển CTGD theo tiếp cận dự án cho trẻ mẫu giáo”. Kết quả chênh lệch Sig. có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê giữa CBQL và GVMN ở chính nội dung này Sig. = 0.000, trong đó GVMN có mức đánh giá cao hơn CBQL. Thực tế cho thấy sự khác biệt chủ yếu đều gắn với môi trường làm việc, môi trường trải nghiệm và các điều kiện tổ chức hoạt động trực tiếp cho trẻ tại lớp học. Đây cũng là những nội dung mà GVMN thường có điều kiện quan sát và cảm nhận rõ hơn về vai trò của không gian, môi trường trải nghiệm đối với hiệu quả thực hiện chương trình theo tiếp cận dự án.

Hầu hết các nội dung ở 4 bảng đều được đánh giá ở mức ảnh hưởng cao, điều này có thể phản ánh nhận thức tích cực của CBQL và GVMN đối với yêu cầu đổi mới GDMN hiện nay. Trong đó, yếu tố thuộc về đội ngũ CBQL và GVMN nổi bật nhất, đặc biệt là nội dung nhận thức, năng lực chuyên môn và mức độ sẵn sàng đổi mới. Yếu tố có ĐTB thấp nhất thuộc về môi trường giáo dục mở, linh hoạt. Điều này cho thấy đây vẫn là điều kiện cần được quan tâm nhiều hơn trong thực tiễn. Xét theo nhóm khách thể, cả CBQL và GVMN đều đánh giá cao nhất các yếu tố nhận thức, năng lực chuyên môn và sự sẵn sàng đổi mới của đội ngũ. Tuy nhiên GVMN đang có đánh giá cao hơn CBQL ở các nội dung gắn trực tiếp với trẻ, trải nghiệm và điều kiện tổ chức hoạt động dự án.

4. Kết luận và bình luận

Kết quả nghiên cứu cho thấy các yếu tố thuộc về CBQL và GVMN, trẻ mẫu giáo, gia đình và cộng đồng cũng như điều kiện cơ sở vật chất, môi trường giáo dục đều được CBQL và GVMN đánh giá có mức ảnh hưởng cao đối với quá trình phát triển CTGD nhà trường theo tiếp cận dự án tại các cơ sở GDMN. Trong đó, nhóm yếu tố thuộc về đội ngũ CBQL và GVMN được đánh giá cao hơn các nhóm yếu tố còn lại, đặc biệt ở các nội dung liên quan đến nhận thức, năng lực chuyên môn và mức độ sẵn sàng đổi mới trong tổ chức hoạt động giáo dục. Bên cạnh đó, kết quả khảo sát cũng phản ánh vai trò của trẻ ngày càng được quan tâm nhiều hơn thông qua các hoạt động trải nghiệm, hợp tác và tham gia giải quyết vấn đề trong quá trình học tập. Hơn nữa, GVMN có xu hướng đánh giá cao hơn CBQL ở một số nội dung liên quan trực tiếp đến môi trường trải nghiệm của trẻ và sự phối hợp với phụ huynh, cộng đồng. Điều này phần nào phản ánh góc nhìn thực tiễn của GV trong quá trình trực tiếp tổ chức các hoạt động dự án cho trẻ.

Kết quả nghiên cứu có nhiều điểm tương đồng với các nghiên cứu của Katz và Chard (2000), Helm và Katz (2016), OECD (2017) hay Edwards và cộng sự (2012) khi đều nhấn mạnh vai trò của GV, môi trường trải nghiệm và sự tham gia tích cực của trẻ trong tổ chức học tập dựa trên dự án ở GDMN. Tuy nhiên, kết quả khảo sát cũng cho thấy việc xây dựng môi trường giáo dục mở, linh hoạt và tăng cường sự phối hợp giữa nhà trường với gia đình, cộng đồng trong thực tiễn vẫn còn gặp những khó khăn nhất định. Điều này phần nào phản ánh bối cảnh thực tế của nhiều cơ sở GDMN hiện nay khi điều kiện cơ sở vật chất, thời gian tổ chức hoạt động trải nghiệm và sự đồng hành của phụ huynh chưa thật sự đồng đều. Nghiên cứu bước đầu cung cấp thêm minh chứng khảo sát về nhận thức và đánh giá của CBQL, GVMN đối với các nhóm yếu tố cần quan tâm khi phát triển CTGD nhà trường theo tiếp cận dự án trong GDMN. Tuy nhiên, nghiên cứu mới chỉ khảo sát tại một số cơ sở GDMN khu vực phía Bắc và dữ liệu chủ yếu dựa trên phiếu tự báo cáo của CBQL, GVMN. Vì vậy, trong thời gian tới, các nghiên cứu tiếp theo có thể mở rộng phạm vi khảo sát, kết hợp phỏng vấn sâu và quan sát hoạt động giáo dục thực tế để làm rõ hơn vai trò của các yếu tố ảnh hưởng trong phát triển CTGD nhà trường theo tiếp cận dự án tại cơ sở GDMN.

Tuyên bố về vai trò của các tác giả: Nguyễn Thị Thành: Lên ý tưởng nghiên cứu, xác định phương pháp và công cụ nghiên cứu; viết khung lý luận và khảo sát, phân tích số liệu thực trạng. Lê Thị Thu, Vũ Kiều Anh: xử lý dữ liệu và viết bản thảo.

Tuyên bố về GenAI và Quyền tác giả: Trong quá trình chuẩn bị bản thảo này, các tác giả không sử dụng công cụ

AI nào.

Tuyên bố về xung đột lợi ích: Các tác giả tuyên bố không có xung đột lợi ích.

Tài liệu tham khảo

- Bộ GD-ĐT (2021). *Chương trình giáo dục mầm non* (ban hành kèm theo Thông tư số 01/VBHN-BGDĐT ngày 13/4/2021 của Bộ trưởng Bộ GD-ĐT).
- Bronfenbrenner, U. (1979). *The ecology of human development: Experiments by nature and design*. Harvard University Press. <https://doi.org/10.4159/9780674028845>
- Edwards, C., Gandini, L., & Forman, G. (2012). *The hundred languages of children: The Reggio Emilia experience in transformation* (3rd ed.). Praeger.
- Helm, J. H., & Katz, L. G. (2016). *Young investigators: The project approach in the early years* (2nd ed.). Teachers College Press.
- Katz, L. G., & Chard, S. C. (2000). *Engaging children's minds: The project approach* (2nd ed.). Ablex Publishing.
- Loudová Stralczyńska, B. (2022). *Project-based and task-based learning in preschool education: Manual for teachers*. Charles University, Faculty of Education. <https://erasmus-abc.eu/outputs/>
- Ministry of Education (2017). *Te Whāriki: Early childhood curriculum*. Ministry of Education, New Zealand. <https://tewhariki.tki.org.nz/assets/Uploads/files/Te-Whariki-Early-Childhood-Curriculum-ENG-Web.pdf>
- NAESP (2025). *Project-based learning in early childhood*. <https://www.naesp.org/resource/project-based-learning-in-early-childhood/>
- NAEYC (2020). *Developmentally appropriate practice position statement*. <https://www.naeyc.org/resources/position-statements/dap/contents>
- OECD (2017). *Starting strong 2017: Key OECD indicators on early childhood education and care*. OECD Publishing. <https://doi.org/10.1787/9789264276116-en>
- Öqvist, A., Nilsen, M., & Holmström, I. (2024). Preschool principals' leadership and teachers' professional collaboration in early childhood education. *Education Sciences*, 14(11), 1206. <https://doi.org/10.3390/educsci14111206>
- Ornstein, A. C. & Hunkins, F. P. (2004). *Curriculum: Foundations, principles, and issues* (4th ed.). Allyn & Bacon.
- Rinaldi, C. (2006). *In dialogue with Reggio Emilia: Listening, researching and learning*. Routledge. <https://doi.org/10.4324/9780203317730>
- Skilbeck, M. (1984). *School-based curriculum development*. Harper & Row.
- Sullivan, A., & Bers, M. U. (2018). Dancing robots: Integrating art, music, and robotics in Singapore's early childhood centers. *International Journal of Technology and Design Education*, 28(2), 325-346. <https://doi.org/10.1007/s10798-017-9397-0>
- Thomas, J. W. (2000). *A review of research on project-based learning*. Autodesk Foundation. https://tecfa.unige.ch/proj/eteach-net/Thomas_researchreview_PBL.pdf
- Trịnh Văn Biều, Phan Đồng Châu Thủy, Trịnh Lê Hồng Phương (2011). Dạy học dự án - Từ lí luận đến thực tiễn. *Tạp chí Khoa học, Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh*, 28, 3-12.